UBND PHƯỜNG HẢI DƯƠNG **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 168/TTr-KT	*Hải Dương, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Về việc giao 03 cơ sở nhà, đất cho Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường quản lý, khai thác

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân phường Hải Dương

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật: số 64/2020/QH14; số 56/2024/QH15; số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công);

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4844/QĐ-UBND ngày 12/11/2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc chuyển giao 101 cơ sở nhà, đất về Uỷ ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để quản lý, khai thác;

Căn cứ Quyết định số 1260/QĐ-UBND ngày 29/9/2026 của UBND phường Hải Dương về việc bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Hải Dương;

Căn cứ Tờ trình số 64/TTr-TTDVSNC ngày 16/11/2026 của Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công về việc chuyển giao 10 cơ sở nhà, đất cho Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường quản lý, khai thác.

Phòng Kinh tế phường kính trình UBND phường xem xét, quyết định về việc giao 03 cơ sở nhà, đất cho Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường chịu trách nhiệm quản lý, khai thác.

Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường chịu trách nhiệm quản lý, xử lý khai thác, tài sản là nhà, đất, công trình trên đất và các tài sản gắn liền với nhà, đất theo danh mục hiện trạng tài sản chuyển giao theo quy định. Chủ trì, lập phương án quản lý, khai thác nhà, đất được giao quản lý (trong đó xác định cụ thể danh mục nhà, đất đề xuất bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tạm thời; danh mục nhà, đất cho thuê theo từng phương thức, thời hạn cho thuê đối với từng cơ sở nhà, đất).Cập nhật thông tin kết quả quản lý, xử lý, khai thác nhà, đất lên Phần mềm theo dõi, tổng hợp tình hình sắp xếp, xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Văn bản số 13183/BTC-QLCS trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày hoàn thành việc xử lý nhà, đất được giao xử lý, khai thác. Quản lý, mở sổ theo dõi, tính hao mòn tài sản, thực hiện kiểm kê, báo cáo kê khai biến động tài sản theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành.

(Chi tiết danh mục, cơ sở nhà đất theo phụ lục đính kèm)

Phòng Kinh tế kính trình Uỷ ban nhân dân phường Hải Dương xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
P. HẢI DƯƠNG T.P HẢI PHÒNG

Nguyễn Nghĩa

DANH MỤC TÀI SẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

(Kèm theo Tờ trình số 168/ TTr-KT ngày 16/11/2026 của Phòng Kinh tế phường Hải Dương)

STT	Tên cơ sở nhà, đất	Số trụ sở làm việc	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Đất (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
I	**Công an phường Quang Trung cũ**	**1**								Đang làm phương án cho thuê	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2025
1	Đất				180			1.620.000.000			
2	Nhà làm việc		2009	2009		441	441	3.051.151.000	1.830.080.370		
II	**Trụ sở Báo Nhân dân**	1								Đang làm phương án cho thuê	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2025
1	Đất				163.5			12.426.000.000	12.426.000.000		
2	Nhà		2003	2003		160	160	1.038.559.558	610.736.334		
III	**Sở Y tế Hải Dương cũ**	1								Đang làm phương án cho thuê	Giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2024
1	Đất				1465.1						
2	Nhà										
2.1	*Nhà làm việc 5 tầng*		2008	2008		2665	2665	13.347.451.911	6.481426.297		
2.2	*Nhà 2 tầng*		2015	2015		389	389	2.417.421.823	1.288.727.571		